

PHỤ LỤC

Bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán thực hiện theo Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Quy Nhơn

Đơn vị: Đồng

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Mức giá	Tuyển	Phân loại PTTT	Ghi chú
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC							
1	01.0032.0299	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	532.400	C	T2	
XVIII. ĐIỆN QUANG							
1	18.0001.0001	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp	58.600	C		
2	18.0002.0001	Siêu âm các tuyến nước bọt	Siêu âm các tuyến nước bọt	58.600	C		
3	18.0003.0001	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	58.600	B		
4	18.0004.0001	Siêu âm hạch vùng cổ	Siêu âm hạch vùng cổ	58.600	B		
5	18.0005.0069	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	89.300	A		
6	18.0010.0069	Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ	Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ	89.300	B	T3	
7	18.0012.0001	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	58.600	B		
8	18.0013.0001	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	58.600	B		
9	18.0023.0004	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	252.300	B	T3	
10	18.0043.0001	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	58.600	B		

STT	Mã tương đương	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Mức giá	Tuyển	Phân loại PTTT	Ghi chú
11	18.0044.0001	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ...)	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ...)	58.600	B		
12	18.0045.0004	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	252.300	B	T3	
13	18.0048.0004	doppler động mạch cảnh, doppler xuyên sọ	doppler động mạch cảnh, doppler xuyên sọ	252.300	B	T3	
14	18.0049.0004	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	252.300	B		
15	18.0052.0004	Siêu âm doppler tim, van tim	Siêu âm doppler tim, van tim	252.300	B	T3	
16	18.0054.0001	Siêu âm tuyến vú hai bên	Siêu âm tuyến vú hai bên	58.600	B		
17	18.0055.0069	Siêu âm doppler tuyến vú	Siêu âm doppler tuyến vú	89.300	B	T3	
18	18.0060.0069	Siêu âm doppler dương vật	Siêu âm doppler dương vật	89.300	A	T3	
XXIII. HÓA SINH							
1	23.0050.1484	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu]	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu]	56.100	C		
2	23.0228.1483	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)	56.100	C		

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN


Phan Chi Song Kiang

PHÒNG KHTH - ĐIỀU DƯỠNG - CHỈ ĐẠO TUYỂN


Trương Dương Phi



Đỗ Phúc Thành